PHÂN TÍCH BÀI THƠ VIỆT BẮC – TỐ HỮU

Mở bài

Việt Bắc là một đỉnh cao của thơ Tố Hữu, một trong những thi phẩm xuất sắc của nền thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945. Hồn thơ Tố Hữu thường nhạy bén với những sự kiện trọng đại trong đời sống dân tộc và cách mạng, cất lên khúc ca của thời đại và tiếng lòng của đông đảo mọi người trong những thời điểm lịch sử quan trọng. Việt Bắc chính là một bài thơ như vậy.

Thân bài

- Hoàn cảnh ra đời bài thơ Việt Bắc

Tháng 7 năm 1954, cuộc kháng chiến của dân tộc ta chống thực dân Pháp xâm lược đã kết thúc thắng lợi.-Hoà bình được lập lại, nửa đất nước được giải phóng. Tháng 8 năm 1954, trong niềm vui lớn và niềm tự hào trước thắng lợi và hoà bình, Tố Hữu viết bài thơ Ta đi tới. Lời thơ như tiếng reo náo nức: "Ngẩng đầu lên: trong sáng tuyệt trần – Tháng Tám mùa thu xanh thắm". Tháng 10 năm 1954, Thủ, đô được giải phóng, các cơ quan Trung ương của Đảng và Chính phủ chuẩn bị rời chiến khu Việt Bắc về Thủ đô Hà Nội. Lịch sử dân tộc và cách mạng sang một trang mới. Ở thời khắc này, người ta có nhu cầu nhìn lại chặng đường vừa qua, đồng thời hướng về con đường đi tiếp. Bài thơ Việt Bắc ra đời đáp ứng nhu cầu ấy của xã hội, là tiếng lòng của rất nhiều người. Bài thơ vừa là sự tổng kết một giai đoạn lịch sử (cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp), vừa thể hiện niềm hy vọng, niềm tin vào tương lai tươi sáng của đất nước trong thời kỳ mới. Nhưng trước hết, Việt Bắc là một bản trường ca đầy ân tình - tình quê hương, đất nước, tình nghĩa giữa những con người kháng chiến, ân tình của người cán bộ cách mạng với Việt Bắc và của Việt Bắc với cách mạng. Vì thế, có thể nói Việt Bắc là bản tổng kết một giai đoạn lịch sử bằng thơ.

- Kết cấu

Để có được một khúc hát ân tình tha thiết, Tố Hữu đã sáng tạo cách kết cấu rất phù hợp với nội dung tư tưởng – cảm xúc ấy: Lời đối đáp trong một cuộc tiễn đưa của kẻ ở, người về. Bài thơ sáng tạo một hoàn cảnh đặc biệt để hai nhân vật trữ tình bộc lộ tình cảm, cảm xúc dạt dào, đó là cuộc chia tay đầy lưu luyến, có kẻ ở người đi, bâng khuâng bịn rịn: "Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay". Đây là cuộc chia tay của những người đã lừng gắn bó dài lâu, nghĩa tình sâu nặng, mặn nồng, từng chia sẻ mọi ngọt bùi, đắng cay, nay trong giờ phút chia tay, cùng nhau gợi lại bao kỷ niệm đẹp đẽ, cùng cất lên nỗi niềm hoài niệm thiết tha về những ngày qua, kháng định nghĩa tình bền chạt và hẹn ước về tương lai. Cách cấu tứ này trong ca dao, dân ca dùng để diễn tả những tâm trạng của tình yêu đôi lứa. Tình nghĩa riêng tư đã được Tố Hữu vận dụng sáng tạo vào việc thể hiện những nghĩa tình cách mạng rộng lớn. Nhưng cần lưu ý rằng đối đáp chỉ là kết cấu bên ngoài, ở bể mặt, còn ở chiều sâu chính là sự thống nhất của tình cảm, cảm xúc trong một tiếng nói chung. Hai nhân vật "mình", "ta" thực chất chỉ là sự phân thân của một cái tôi trữ tình thống nhất. Lời đáp không chỉ nhằm giải đáp cho những điều đặt ra của lời hỏi mà còn là sự tán đồng, mở rộng, làm cụ thể và phong phú thêm những ý tình trong lời hỏi, có khi trở thành lời đồng vọng, không phân biệt ngượi hỏi, người đáp, cùng ngân vang những tình cảm chung:

Ta với mình, mình với ta

Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh

Mình đi, mình lại nhớ mình

Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu…

Bằng một âm điệu ngọt ngào, êm ái, trở đi trở lại nhịp nhàng như lời ru trong thể thơ lục bát, với sự trùng điệp của nhiều từ nhớ, mình, ta và nhiệu từ ngữ diễn tả các trạng thái tình .cảm, cảm xúc đầy lưu luyến lúc phân ly, đoạn thơ đưa người đọc vào thế giới tám tình đầy ân nghĩa. Trong không khí ấy, mọi cảnh vật thiên nhiên và khung cảnh sinh hoạt của con người, cho đến các hoạt động kháng chiến đều đậm đà ý vị tình nghĩa, bao bọc trong ánh hồi quang của hoài niệm với nỗi nhớ thiết tha, tất cả tạo nên một không gian – thời gian tâm tưởng và giọng điệu trữ tình thiết tha, đằm thắm, ân tình của đoạn thơ.

- Bài thơ mở ra trong một cảnh chia tay với tâm trạng bâng khuâng, bồn chồn, bịn rịn, lưu luyến của kẻ ở người đi – hai người đã từng gắn bó sâu nặng, bền lâu qua mười lăm năm "Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng". Khung cảnh ấy gợi nhớ đến những cuộc hát đối đáp trong đêm giã bạn ở vùng quê quan họ hay trong sinh hoạt dân ca ộr nhiều vùng. Người ở lại lên tiếng trước, như nhạy cảm với hoàn cảnh đổi thay, gợi nhắc những kỷ niêm gắn bó, những cội nguồn nghĩa tình :

Mình về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ hủi, nhìn sông nhớ nguồn?

Nhưng người ra đi cũng một tâm trạng ấy, nên nỗi nhớ không chỉ hướng về người khác mà còn là nỗi nhớ chính mình: "Mình đi, mình lại nhớ mình". Lời hỏi,của người ở lại đã khơi dậy cả một quá vãng đầy kỷ niệm, khơi nguồn cho dòng mạch nhớ thương tuôn chảy. Như ở trên đã nói, đối đáp ở đây chỉ là một thủ pháp khơi, gợi bộc lộ tâm trạng và tạo ra sự hô ứng, đồng vọng trong tình cảm của người ở và người về.

Sau những lời mở đầu, người ở lại tiếp tục gợi lại những kỷ niệm gắn bó đầy ân tình của "mười lăm năm ấy". Cũng vẫn dưới dạng câu hỏi nhưng đã gợi cụ thể hơn về thời gian, không gian của những kỷ niệm:

Mình đi, có nhớ những ngày

Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù

Mình về, có nhớ chiến khu

Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?

Mình đi, có nhớ những nhà

Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son

Mình về, còn nhớ núi non

Là lời hỏi, nên không miêu tả cụ thể mà chỉ dùng bút pháp gợi tả. Nhưng sau những câu thơ, những hình ảnh cô đúc là bao nhiêu kỷ niệm, bao nhiêu nghĩa tình chất chứa, dồn nén. Câu thơ lục bát ở đây đạt đến độ tinh luyện, đúc chữ, đúc hình ảnh, nhất là trong những câu sử dụng rất hiệu quả phép đối: "Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai", "Trám bùi để rụng, măng mai để già", "Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son".

Lời hỏi của Việt Bắc — người ở lại – đã khơi dậy, làm tuôn trào cả một bầu kỷ niệm tràn đầy tình nghĩa với người ra đi, với bao nhiêu hình ảnh, sự việc chất chứa của một thời không thể quên. Nếu lời hỏi chỉ nhằm khơi gợi, thì lời đáp lại dào dạt, dồn dập như một dòng cảm xúc tuôn trào. Bởi vậy, lời hỏi chỉ có mười hai dòng thơ, mà lời đáp phải dùng tới bảy mươi dòng (từ dòng 21 đến dòng 90).

Bao trùm trong tâm trạng của cả kẻ ở, người đi là nỗi nhớ da diết, mênh mang với nhiều sắc thái khác nhau (trong chín mươi dòng thơ đã có tới ba mươi lăm từ "nhớ"). Niềm hoài niệm thiết tha đã làm sống dậy những kỷ niệm sâu nặng nghĩa tình với thiên nhiên, con người Việt Bắc, với cuộc sống kháng chiến gian khổ mà hào hùng. Cuộc sống và cảnh vật qua hoài niệm đã hiện ra lúc thì rõ nét "Nhớ người mẹ nắng cháy lưng", "Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi", "Nhớ cô em gái hái măng một mình"), lúc lại mơ màng vời vợi ("Nhớ gì như nhớ người yêu – Trăng lên đầu núi nắng chiều lưng nương", "Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù", "Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều – Chày đêm nện cối đều đều suối xa",…), lúc lại cô đọng, đúc kết những trải nghiệm, như một biểu tượng ("Miếng cơm chấm muối, môi thù nặng vai", "Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng").

Trong hoài niệm bao trùm, có ba mảng thống nhất, hoà nhập, không tách rời, đó là nỗi nhớ thiên nhiên núi rừng Việt Bắc, nỗi nhớ con người, cuộc sống ở Việt Bắc và những kỷ niệm về cuộc kháng chiến anh hùng.

Thiên nhiên Việt Bắc hiện lên với những vẻ đẹp đa dạng trong thời gian và không gian khác nhau, trong các thời tiết sương sớm, nắng chiều, trâng khuya, trong bốn mùa thay đổi mà mùa nào cũng có vẻ đẹp riêng.

Thiên nhiên Việt Bắc khi thì đậm đà, thi vị trong những hình ảnh thơ mộng : "Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương", "bản khói cùng sương", "Sớm khuya bếp lửa

người thương đi về" khi lại hùng tráng, lớn lao, vững chãi cùng với con người trong cuộc chiến đấu : "Núi giăng thành lũy sắt dày – Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù – Mênh mông bốn mặt sương mù, Đất trời ta cả chiến khu một lòng.

Nhưng nhớ thiên nhiên cũng là nhớ con người, bởi con người Việt Bắc không tách rời mà luôn hoà nhập, gắn bó với thiên nhiên Việt Bắc. Hình ảnh con người với cuộc sống lao động và sinh hoạt hằng ngày, cũng như trong những hoạt động kháng chiến đã làm cho thiên nhiên không còn vắng vẻ, hiu quạnh, mà thêm tươi sáng, ấm áp, mạnh mẽ đầy sức sống. Đoạn thơ dưới đây vẫn được coi là một bộ tứ bình đẹp mà hết sức tự nhiên, dung dị về thiên nhiên Việt Bắc trong sự hài hoà với hình ảnh con người:

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

Ngày xuân mơ nở trắng rừng

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.

Ve kêu rừng phách đổ vàng

Nhớ cô em gái hái măng một mình.

Rừng thu trăng rọi hoà bình

Nhớ ai tiếng hát ăn tình thủy chung.

Chỉ tám câu thơ mà đã làm hiện lên thật sinh động bao nhiêu vẻ đẹp của núi rừng Việt Bắc, trong bốn mùa đổi thay, với đủ màu sắc, ánh sáng, âm thanh, thật đa dạng mà rất hài hoà, màu đỏ tươi của hoa chuối rừng nổi bật trên nền xanh rì của núi rừng, như một điểm sáng tươi làm bớt đi sự đơn điệu triền miên của màu xanh nơi rừng núi. Cảnh vật và sắc màu đột ngột chuyển sang cảnh mùa xuân với màu trắng của hoa mơ bung nở khập rừng, rồi lại tràn ngập một màu vàng của rừng phách khi hè về và cuối cùng đọng lại trong hình ảnh trong trẻo, dịu mát của rừng đêm dưới ánh trăng thu hoà bình. Đặc biệt, trong mỗi bức tranh của bộ tứ bình này đều có hình ảnh con người hiện ra thật hài hoà với thiên nhiên, trong cồng việc lao động và sinh hoạt

thường ngày và toát lên một vẻ đẹp dung dị. Cả âm thanh cũng vậy, có tiếng ve ran trưa hè xốn xang, lại có tiếng hát trong trẻo của con người dưới trăng thu.

Cuộc sống của đồng bào Việt Bắc hiện ra trong những nét thanh bình êm ả ("Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều – Chày đêm nện cối đều đều suối xa") và cả trong nghèo khó, cơ cực ("Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng – Nhớ người mẹ nắng cháy lưng – Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô",…). Đẹp nhất là ở nghĩa tình của con người, ở sự san sẻ, cùng chung mọi gian khổ và niềm vui, cùng gánh vác nhiệm vụ. Nghĩa tình càng đẹp hơn trong cuộc sống gian nan, thiếu thốn, càng sắt son, thắm thía trong khó khăn, thử thách.

Theo mạch cảm xúc, hoài niệm, bài thơ dẫn vào khung cảnh Việt Bắc kháng chiến với những cảnh rộng lớn, những hoạt động tấp nập, sôi động của cuộc kháng chiến, được vẽ với bút pháp của những tráng ca. Câu thơ lục bát đang đi những điệu êm ả ngọt ngào ở trên bỗng chuyển thành nhịp dồn dập, sôi nổi, náo nức:

Những đường Việt Bắc của ta

Đêm đêm rầm rập như là đất rung

Quân đi điệp điệp trùng trùng

Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan.

Dân công đỏ đuốc từng đoàn

Bước chân nát đá, muôn tấn lửa bay.

Nghìn đêm thăm thẳm sương dày

Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.

Mọt cuộc họp của Trung ương, Chính phủ trong hang núi mà rạng rở ánh sáng - không chỉ là Ánh nắng trưa hoà với ánh rực rỡ của lá cờ đỏ sao vàng mà còn là ánh sáng của niềm tin hi vọng. Những công việc tưởng chừng sự vụ, khô khan của một cuộc họp mà chứa đựng bao nhiêu ý nghĩa, bởi đó là chuyện thiết thực với cuộc sống của đất nước và con người, từ việc "điều quân chiến dịch" đến việc mở đường, phát động quần chúng nông dân, cho đến những việc cụ thể, tỷ mỷ như giữ đê, phòng

hạn, gửi dao lên cho miền ngược, thêm trường học cho các khu. Kết thúc phần một là âm hưởng trang trọng mà thiết tha khi thâu tóm lại hình ảnh Việt Bắc quê hương cách mạng, đầu não của cuộc kháng chiến, biểu tượng của niềm tin tưởng và hy vọng của con người Việt Nam từ mọi miền đất nước, đặc biệt là những nơi còn "u ám quân thù":

Ở đâu u ám quân thù

Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi

Ở đâu đau đớn giống nòi

Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền.

Về bút pháp, đoạn thơ này thiên về tạo những hình ảnh rộng lớn, hùng tráng, kỳ vĩ, phảng phất màu sắc huyền thoại cùng với những câu thơ có chất diễn ca lịch sử, tạo âm hưởng mạnh mẽ, hào hùng, trang trọng, đĩnh đạc

Nổi bật và bao trùm trong bút pháp nghệ thuật của bài Việt Bắc là tính dân tộc hết sức đâm đà, nhuần nhị.

Thể thơ lục bát truyền thống đã được vận dụng trong một bài thơ dài, vừa tạo ra âm hưởng thống nhất mà lại biến hoá đa dạng, linh hoạt. Xuân Diệu nhận xét: "Không phải một cây bút trong tay Tố Hữu nữa, mà nhiều ngọn bút nở cùng một lúc, bút tả tình, bút tả cảnh, bút tả người. Người ta thấy văn chương cách mạng, văn chương nói chiến đấu gian khổ, quyết tâm cũng lại là cái văn chương chí nghĩa, chí tình, cái vãn chương nên thơ, nên nhạc". Câu thơ lúc thì dung dị, dân dã gần với ca dao, lúc thì cân xứng, nhịp nhàng, trau chuốt mà trong sáng, nhuần nhị đến độ cổ điển.

Chất liêu văn học và văn hoá dân gian được vận dụng phong phú, đa dạng, đặc biệt là ca dao trữ tình. Những lối nói giàu hình ảnh, các cách chuyển nghĩa truyền thống (so sánh, ẩn dụ, tượng trưng, ước lệ) được sử dụng thích hợp, tạo nên phong vị dân gian và chất cổ điển của bài thơ. Rất nhiều cặp hình ảnh sóng đôi trong những mô tip của ca dao - dân ca đã được vận dụng một cách tài tình để biểu hiện nhhững quan hệ tình cảm mới của đời sống cách mạng, làm cho nó mang một ý vị dân tộc đậm đà. Đó là những cặp hình ảnh như: mây – núi, sông - nguồn, cây - núi. mái đình – cây đa, đèn – trăng,… và nhiều cặp hình ảnh mới được nhà thơ sáng tạo theo mô

hình ấy : "Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai", "Trám bùi để rụng, măng mai để già", "Chàm nâu thêm đậm, phấn son chẳng nhoà". Ở phần hai của bài thơ – lời hẹn ước về tương lai – ta lại gặp bóng dáng của nhiều bài ca dao về các sản vật của mỗi vùng quê, thậm chí nhiều câu thơ Tố Hữu đã thực sự trờ thành những câu ca dao mới của loại này, như:

Ai vê mua vại Hương Canh

Ai lên mình gửi cho anh với nàng

Chiếu Nga Sơn, gạch Bát Tràng

Vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông.

Áo em thêu chỉ biếc hồng

Mùa xuân ngày hội lùng tùng thêm tươi

Lối đối đáp trong ca dao dân ca được vận dụng sáng tạo, dưa người đọc nhập vào không khí đầy ân tình, thiết tha của một cuộc chia tay, có lưu luyến bùi ngùi với bao nhiêu kỷ niệm còn nóng hổi, nhưng không hề có nỗi ngậm ngùi. Bởi đây là cuộc chia tay trong niềm vui thắng lợi, trong sự trưởng thành của cách mạng, chia tay mà vẫn đinh ninh "Ngược xuôi đôi mặt một lời song song", và cuộc từ biệt được kết thúc bằng lời hẹn ước đầy tin tưởng vé sự gắn bó mật thiết giữa miền xuôi và miền ngược trong tương lai.

Một thủ pháp độc đáo làm giàu thêm tính dân tộc trong ngôn ngữ của bài thơ là việc sử dụng sáng tạo cặp đại từ mình và ta, nhất là từ mình.

Trong tiếng Việt, từ "mình" là chỉ bản thân (ngôi thứ nhất), nhưng cũng còn chỉ đối tượng giao tiếp than thiết, gần gũi – chí người bạn đời yêu mến (ngôi thứ hai) thường là chỉ dùng trong các quan hệ tình yêu, vợ chồng. Trong bài Việt Bắc, "mình" chủ yếu dược dùng ở nghĩa thứ hai, điều đó tạo nên quan hệ gắn bó của hai nhân vật đối đáp, nhưng có chỗ lại là chỉ ngôi thứ nhất : "Ai lên mình gửi cho anh với nàng", và có những lúc biến hoá, chuyển hoá đa nghĩa, vừa là chủ thể, vừa là đối tượng, hoà nhập làm một như trong các câu : "Mình đi, mình có nhớ mình" và "Mình đi mình lại nhớ mình".

Chúng ta cũng có thể thấy sự chuyển nghĩa ở đại từ "ta". Trong bài thơ, "ta" là ngôi thứ nhất, nhưng "ta" trong nhiều trường hợp là chỉ chung hai người, chỉ chúng ta" ("Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây", "Lòng ta ơn Bác đời đời").

Nhưng tính dân tộc của bài thơ Việt Bắc không phải chỉ ở hình thức nghệ thuật, mà còn ở chiều sâu tư tưởng – cảm xúc, thống nhất hài hoà với nghệ thuật biểu hiện ấy.

Kết bài

Bài thơ là khúc ca vừa hào hùng vừa thắm thiết của thời đại cách mạng, kháng chiến, nhưng cũng là khúc tâm tình thiết tha, sâu nặng của cả dân tộc. Mọi quan hệ, mọi tình cảm của con người trong thời đại cách mạng – sự gắn bó của người cán bộ kháng chiến với Việt Bắc, của nhân dân Việt Bắc với cách mạng, với Bác Hồ, đã hoà nhập, nối tiếp truyền thống ân nghĩa, thuỷ chung trong đạo lý và lối sống, trong tâm thức của dân tộc từ ngàn xưa. Bài thơ Việt Bắc một lần nữa cho thấy sự thống nhất chặt chẽ của hai yếu tố, hai nguồn mạch cách mạng và dâîi tộc tạo nên sức mạnh to lớn và sức chinh phục rộng rãi của thơ Tố Hữu trong một thời gian dài.